

Phú Hòa, ngày 27 tháng 8 năm 2024

Số: 20 /2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 62/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế*”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giữa:

Nguyên đơn: ông Trần Văn T, sinh năm 1969;

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1998;

Đồng địa chỉ: thôn Mậu Lâm B, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, Phú Yên.

Bị đơn: ông Trần Văn T, sinh năm 1971;

Địa chỉ: thôn Đồng L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, Phú Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: thôn Phú Q, xã Bình K, thành phố Tuy H, Phú Yên.

Ông Trần Văn T, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: thôn Đồng L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, Phú Yên.

Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: thôn Đồng L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, Phú Yên.

Ủy ban nhân dân xã Hòa Quang B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thống nhất diện tích 399,4m² (trong đó 250m² đất thổ cư, 149,4m² đất vườn) có nguồn gốc của cha, mẹ để lại là cụ Trần Văn T, sinh năm 1920 (chết năm 1982), cụ Lê Thị L, sinh năm 1932 (chết 1983) do ông Trần Văn T đứng tên kê khai tại thửa đất số 248b, tờ bản đồ 275A có tứ cận như sau: phía Đông giáp đất ông Trần Văn a, phía Tây giáp đất ông Trần Văn T, phía Nam giáp đường đi bê

tông, phía Bắc giáp đất hai lúa; hiện tọa lạc tại thôn Đồng L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên, cùng với tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 và các công trình phụ. Thửa đất trên theo kết quả định giá đối với đất ở (ONT) 450.000đồng/m² và đất vườn (BHK) 37.000đồng/m². Quy ra giá trị đối với đất ở 112.500.000đồng, đất vườn 5.527.800đồng. Đối với căn nhà cấp 4 và các công trình phụ thì các bên thống nhất không tranh chấp.

Nay các bên đương sự thống nhất chia di sản của cụ T, cụ L là diện tích đất nói trên cho ba người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, riêng ông Trần Văn T tự nguyện giao phần thừa kế di sản của mình cho ba người con còn lại, vì ông đã được hưởng phần di sản khác rồi. Vậy di sản của cụ T, cụ L phần diện tích đất 399,4m² được chia như sau:

2.2. Chia và giao cho ông Trần Văn T được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất 167,2m² {trong đó 85m² đất ở (ONT) và 82,2m² đất vườn (BHK)} thuộc một phần trong thửa đất số 248b, tờ bản đồ 275A, có tứ cận phía Đông giáp đất ông Trần Văn a, phía Tây giáp đất đã chia cho ông Trần Văn T, ông Trần Văn T, phía Nam giáp đường đi bê tông, phía Bắc giáp đất hai lúa của ông Trần Văn T; tọa lạc tại thôn Đồng L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

2.3. Chia và giao cho ông Trần Văn T, ông Trần Văn T được quyền quản lý sử dụng phần diện tích đất 232,2m² {(trong đó 165m² đất ở (ONT) và 67,2m² đất vườn (BHK)} thuộc một phần trong thửa đất số 248b, tờ bản đồ 275A, có tứ cận phía Đông giáp đất đã chia cho ông Trần Văn T, phía Tây giáp đất ông Trần Văn T, phía Nam giáp đường đi bê tông, phía Bắc giáp đất hai lúa của ông Trần Văn T; tọa lạc tại thôn Đồng L, xã Hòa Quang B, huyện Phú H, tỉnh Phú Yên.

Các ông Trần Văn T, Trần Văn T, Trần Văn T có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nếu phù hợp với quy hoạch chung và đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Có sơ đồ kèm theo (sơ đồ này là một phần không tách rời quyết định)

2.4. Ông Trần Văn T được quyền sở hữu 01 cây đu đủ thành tiền 120.000đồng, 01 cây xạ đen thành tiền 250.000đồng, 01 cây cóc thành tiền 110.000đồng, 02 cây măng cầu thành tiền 400.000đồng, 01 cây quất thành tiền 60.000đồng, 03 bụi đinh lăng thành tiền 75.000đồng và có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T tổng giá trị các loại cây trên thành tiền 1.015.000đồng (*Một triệu không trăm mười lăm nghìn đồng*)

2.5. Ông Trần Văn T có trách nhiệm tháo dỡ chái tôn bên hông nhà sau 10m²; tường rào lưới B40 dài 7,5m; chuồng bò 18m² (trong thời gian 01 tháng kể từ ngày quyết định được ban hành)

Đối với 01 cái giếng nước hiện nay nằm trên phần đất đã chia và giao cho ông Trần Văn T, nên các anh, em thống nhất giao cho ông Trần Văn T tiếp tục quản lý và sử dụng.

3. Về lệ phí: Chi phí định giá và xem xét, thẩm định tại chỗ là 10.500.000đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*) ông Trần Văn T chịu 3.500.000đồng, ông Trần Văn T chịu 3.500.000đồng, ông Trần Văn T chịu 3.500.000đồng; ông Trần Văn T đã

nộp đủ. Nên ông Trần Văn T, ông Trần Văn T phải có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn T số tiền 7.000.000đồng (*Bảy triệu đồng*), mỗi người 3.500.000đồng.

4. Về án phí: ông Trần Văn T phải chịu 1.032.000 đồng (*Một triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp tại biên lai thu số 0004197, ngày 04/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Hòa, nên ông T còn phải tiếp tục chịu 732.000 đồng; ông Trần Văn T, ông Trần Văn T phải chịu 1.918.000 đồng (*Một triệu chín trăm mười tám nghìn đồng*) trong đó ông Tr chịu 959.000đồng, ông T chịu 959.000đồng được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Trần Văn T đã nộp tại biên lai thu số 0010390 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên, nên ông T còn phải chịu 659.000đồng.

Hoàn lại 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T (bà Nguyễn Thị Đ đã nộp thay) tại biên lai thu số 0009280 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Phú Hòa;
- Chi cục THADS huyện Phú Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Hoan